

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG KHÁNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2019/HS-ST
Ngày: 22-7-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG KHÁNH, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thùy Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Mai Văn Khánh

- Ông Phạm Quốc Thôn

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Thị Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Đình Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2019, tại Hội trường A - Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 56/2019/TLST-HS ngày 30 tháng 5 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 61/2019/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 7 năm 2019 đối với bị cáo:

Trần Thanh H (tên gọi khác: Trần Văn H1), sinh năm 1964, tại Hòa B; nơi cư trú: Thôn 6, xã Bom B, huyện Bù Đ, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Lăn rẫy; trình độ học vấn: 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Huy H2 (chết) và bà Phạm Thị H3 (chết); bị cáo là con út trong gia đình có bốn anh chị em; vợ Quách Thị D (1971); bị cáo có 01 người con sinh năm 2001; tiền án: Ngày 19/4/1994, bị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xử phạt 05 (năm) năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản công dân" tại bản án số 63/HSST, chấp hành xong ngày 19/3/2019; Nhân thân: Ngày 18/5/2012, bị Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước xử phạt 5.000.000đ (Năm triệu đồng) về tội "Đánh bạc" tại bản án số 38/2012/HSST, đã chấp hành xong; Ngày 18/01/2017, bị Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước xử phạt 02 (hai) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 (bốn) năm và phạt bổ sung số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng) về tội "Đánh bạc", tại bản án số 08/2017/HSST, chưa chấp hành xong; bị cáo bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã Long Khánh (nay là Công an thành phố Long Khánh) từ ngày 19/3/2019 cho đến nay.

- Người tham gia tố tụng khác:

1. Bà Quách Thị D sinh năm 1971 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn 6, xã Bom B, huyện Bù Đ, tỉnh Bình Phước.

2. Ông Công Văn G sinh năm 1971 (Có mặt)

Địa chỉ: Số 48, đường 15, khu phố Nông D, phường Xuân T, thành phố Long K, tỉnh Đồng Nai.

3. Ông Nguyễn Đình V sinh năm 1960 (Có mặt)

Địa chỉ: Số 236 Nguyễn Tri P, khu phố 6, phường Xuân A, thành phố Long K, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Thanh H là phạm nhân chấp hành án phạt tù 05 (năm) năm, về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản công dân” theo Bản án số 63/HSST ngày 19/4/1994 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai, tại Trại giam K4 huyện Long Khánh (nay là phân trại số 5 - Trại giam Xuân Lộc thuộc thành phố Long Khánh). Vào ngày 02/01/1997, H được bố trí lao động đào hồ trữ điện tại khu C (bên trong công viên Hòa Bình) cùng 04 (bốn) phạm nhân khác (trong đó có phạm nhân Lê Xuân B). Bị cáo H cùng phạm nhân B được giao nhiệm vụ đi hái rau để cải thiện bữa ăn thì phạm nhân B bỏ chạy, H cố đuổi theo nhưng không bắt được nên quay về. Đi được khoảng nửa đường thì H dừng lại, vì sợ trách nhiệm liên quan khi để phạm nhân B bỏ chạy mà không bắt lại được nên H đã quay trở ra Quốc lộ 1A phía trước công viên Hòa Bình rồi bắt xe ô tô khách đến thôn 6, xã Bom B, huyện Bù Đ, tỉnh Bình Phước. Ở đây H đổi tên thành Trần Văn H1, sinh năm 1966 và sinh sống, lập gia đình tại đây.

Trong quá trình sinh sống tại tỉnh Bình Phước, vào năm 2012 và năm 2017 Trần Văn H1 bị Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước xét xử về tội “Đánh bạc”. Sau đó, lực lượng trinh sát của Trại giam Xuân Lộc xác định Trần Văn H1 chính là Trần Thanh H nên ngày 01/8/2018, H bị bắt giữ theo Lệnh truy nã số 01/LTN ngày 02/01/1997 của Trại giam K4.

Quá trình điều tra bị cáo Trần Thanh H và những người tham gia tố tụng trong vụ án đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng mô tả.

Tại Kết luận giám định số 377/KLGD ngày 15/8/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đồng Nai kết luận điểm chỉ vân tay ngón trỏ trên danh bản số 03 mang họ tên Trần Thanh H, sinh năm 1964 (lập ngày 07/8/2018) và điểm chỉ vân tay ngón trỏ trên danh bản số 16952 mang họ tên Trần Thanh H, sinh năm 1964 (lập ngày 15/12/1993) là do cùng một người in ra.

Đồng thời, Kết luận giám định số 295/KLGD-Đ3 ngày 24/4/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đồng Nai kết luận điểm chỉ vân tay trên danh chỉ bản số 599/11 (lập ngày 28/3/2011) và số 106/16 (lập ngày 13/6/2016) mang họ tên Trần Văn H1, sinh năm 1966 và điểm chỉ vân tay trên danh chỉ bản số 009 mang họ tên Trần Thanh H, sinh năm 1964 (lập ngày 12/01/2019) là do cùng một người in ra. Như vậy, có đủ cơ sở để xác định Trần Văn H1 và Trần Thanh H là một người.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai giữ nguyên cáo trạng truy tố bị cáo về tội danh và điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng số 43/CT-VKS-LK ngày 29/5/2019 và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 386; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 38 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), tuyên bị cáo Trần Thanh H phạm tội “Trốn khỏi nơi giam” và xử phạt bị cáo H tù 12 (Mười hai) đến 14 (Mười bốn) tháng tù.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo có trong hồ sơ vụ án;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Long Khánh (nay là Công an thành phố Long Khánh), Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Long Khánh (nay là Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Khánh), Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, những người tham gia tố tụng khác khẳng định khai báo tự nguyện, không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội do mình thực hiện như nội dung bản Cáo trạng đã nêu, lời khai nhận tội này phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện:

Ngày 02/01/1997, tại khu C trại giam K4 huyện Long Khánh (nay là phân trại số 5 - Trại giam Xuân Lộc, thành phố Long Khánh). Trong lúc lao động, lợi dụng địa hình rộng, sơ hở của cán bộ quản giáo, bảo vệ cùng các phạm nhân khác, Trần Thanh H đã bỏ trốn khỏi Trại giam K4. Do đó, có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Trần Thanh H (tên gọi khác: Trần Văn H1) phạm tội “Trốn khỏi nơi giam” quy định tại khoản 1 Điều 386 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Vì vậy, bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân thị xã Long Khánh (nay là Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Khánh) truy tố là có căn cứ đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi của bị cáo:

Hành vi phạm tội của Trần Thanh H là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến hoạt động bình thường của cơ quan thi hành án hình sự, gây ảnh hưởng xấu đến tâm lý các phạm nhân đang chấp hành án. Bị cáo là phạm nhân, đang trong thời gian chấp hành hình phạt tù có thời hạn, khi được phân công đi lao động ngoài trại giam, mặc dù biết rõ hành vi bỏ trốn của mình sẽ gây trở ngại cho hoạt động của cơ quan thi hành án nhưng bị cáo vẫn lén lút đào thoát khỏi sự quản lý của cán bộ quản giáo, hành động bỏ trốn của bị cáo nhằm trốn tránh sự trừng phạt của pháp luật, thể hiện ý thức chấp hành pháp luật kém. Do đó, cần áp dụng mức hình phạt đủ nghiêm, tương xứng với hành vi, mức độ phạm tội của bị cáo nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy:

Bị cáo H đã bị kết án về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản công dân" nhưng chưa được xóa án tích nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Mặt khác, bị cáo là người có nhân thân xấu, trong thời gian bỏ trốn bị cáo tiếp tục phạm tội (bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước xét xử 02 lần (năm 2012 và 2017) về tội "Đánh bạc"). Tuy nhiên, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là căn cứ để xem xét giảm nhẹ phần nào hình phạt cho bị cáo khi lượng hình.

[5] Về quyết định hình phạt:

Hành vi phạm tội của bị cáo Trần Thanh H được thực hiện vào ngày 02/01/1997, theo quy định tại khoản 1 Điều 245 Bộ luật Hình sự năm 1986 thì mức hình phạt tù từ 06 (sáu) tháng đến 05 (năm) năm, cao hơn so với mức hình phạt tù 06 (sáu) tháng đến 03 (ba) năm quy định tại khoản 1 Điều 386 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Do đó, căn cứ điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội về áp dụng quy định có lợi cho người phạm tội và khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) nên cần áp dụng khoản 1 Điều 386 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và căn cứ vào tính chất mức độ phạm tội, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để có mức hình phạt phù hợp với hành vi phạm tội của bị cáo nhằm cải tạo giáo dục bị cáo trở thành công dân sống có ích cho gia đình và xã hội.

Xét hành vi của bà Quách Thị D thì thấy, bà D chung sống như vợ chồng với bị cáo từ khoảng năm 2000 cho đến nay nhưng không đăng ký kết hôn. Khi chung sống với bà D bị cáo đã sử dụng tên Trần Văn H1, sinh năm 1966 và trong suốt thời gian chung sống bị cáo không nói cho bà D biết bị cáo là đối tượng đang bị truy nã vì hành vi trốn khỏi nơi giam. Do đó, không có căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bà Quách Thị D.

[6] Về án phí Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[7] Về quyền kháng cáo, kháng nghị:

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự.

[8] Xét ý kiến luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về phần tội danh, điều khoản truy tố, hình phạt là có căn cứ và phù hợp với các tình tiết của vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Trần Thanh H (tên gọi khác: Trần Văn H1) phạm tội “Trốn khỏi nơi giam”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 386; Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Trần Thanh H 01 (một) năm tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 19/3/2019.

2. Về án phí

- Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 6; điểm a, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Trần Thanh H phải nộp 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị đối với bản án:

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Nhà tạm giữ - CA TP.LK;
- VKSND TP.LK;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Đỗ Thị Thùy Trang